

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH S ăn công nghiệp Gia đình VN. (Vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số D, Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Cẩm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng N trình bày như sau: Bà N là chủ cung cấp thực phẩm tươi sống cho Công ty TNHH S ăn công nghiệp và Gia đình VN, cụ thể:

Ngày 21/02/2024 và ngày 22/02/2024, bà N giao cho Công ty TNHH S ăn công nghiệp và Gia đình VN 50,9 kg sườn với giá 80.000 đồng/ký = 4.072.000

đồng; 20 kg tim, giá 85.000 đồng/kg = 1.700.000 đồng, 05 kg ruột và thú linh, giá 40.000 đồng/ký = 200.000 đồng/ký; 30 kg khoanh giò sau, giá 60.000 đồng/ký = 1.800.000 đồng; 12,6 kg sườn già, giá 75.000 đồng/kg = 945.000 đồng; 30,5 kg cá Diêu Hồng, giá 47.000 đồng/kg = 1.433.000 đồng; 30,1 kg cá Lóc, giá 58.000 đồng/kg = 1.740.000 đồng; 30kg cá Chê, giá 42.000 đồng/kg = 1.260.000 đồng; 30 kg cá rô, giá 70.000 đồng/kg = 2.100.000 đồng, tổng cộng là 15.250.000 đồng.

Ngày 27/02/2024, bà **N** giao cho **công ty C** kg ba rọi sườn, giá 80.000 đồng/ký = 2.480.000 đồng; 13,7 kg sườn già, giá 75.000 đồng/kg = 1.028.000 đồng; 30kg cá Diêu Hồng, giá 47.000 đồng/kg = 1.410.000 đồng; 10kg tôm, giá 135.000đồng/kg = 1.350.000 đồng; tổng cộng 6.268.000 đồng.

Ngày 28/02/2024, bà **N** giao cho **công ty B** tôm, giá 135.000 đồng/kg = 2.700.000 đồng; 30kg đùi, giá 75.000 đồng/kg = 2.250.000 đồng; 12kg sườn già, 75.000đồng/ký = 900.000 đồng; 32kg cốt lết giá 82.000 đồng/kg = 2.624.000 đồng.

Tổng cộng **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN nợ bà **N** số tiền 29.992.000 đồng.

Nay, bà **N** yêu cầu **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN thanh toán số nợ là 20.992.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng), vì trước đó công ty đã thanh toán cho bà **N** 9.000.000 đồng.

*Bị đơn **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà **N** có đề nghị xin vắng mặt. Bị đơn **Công ty TNHH S** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn bà **N** có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên đưa vụ án ra xét xử.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/5/2024 nguyên đơn bà **N** có yêu cầu khởi kiện. Bị đơn **Công ty TNHH S** không có yêu cầu phản tố.

[2.2]. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, không xuất trình, giao nộp thêm chứng cứ.

[2.3]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

Xét phiếu hẹn thanh toán ngày 28 tháng 02 năm 2024 của **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN có nội dung: **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN thanh toán cho chị **Nguyễn Thị Mộng N** trong ngày 28/02/2024.

Bị đơn **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN biết được yêu cầu khởi kiện của bà **N** nhưng bị đơn không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến, được xem như từ chối quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bà **N** cho rằng **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN mua hàng của bà **N** và nợ bà **N** số tiền 29.992.000 đồng. Sau đó, công ty đã thanh toán cho bà **N** 9.000.000 đồng, còn lại 20.992.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp với phiếu hẹn thanh toán ngày 28 tháng 02 năm 2024 của **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN.

Từ những nhận định trên căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, buộc **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN trả cho bà **Nguyễn Thị Mộng N** số tiền 20.992.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. *Về lãi suất:* Bà **N** không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Buộc **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN nộp 1.049.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung ngân sách nhà nước; bà **Nguyễn Thị Mộng N** không phải nộp án phí, hoàn lại bà **N** số tiền 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006464 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.6]. Xét, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Mộng N** đối với bị đơn **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN trả cho bà **Nguyễn Thị Mộng N** số tiền 20.992.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc **Công ty TNHH S** ăn công nghiệp và Gia đình VN nộp 1.049.600 đồng (một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung ngân sách nhà nước; bà **Nguyễn Thị Mộng N** không phải nộp án phí, hoàn lại bà **N** số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006464 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu HS, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn

